SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ **BỆNH VIỆN ĐA KHOA** **KHU VỰC GIO LINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 305 /QĐ-BVĐK	*Gio Linh, ngày 21 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: Mua sắm Thiết bị Y tế sử dụng năm 2026-2027
của Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC GIO LINH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định 349/2026/NĐ-CP ngày 9/9/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 quy định về quản lý trang thiết bị y tế đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025;

Căn cứ Quyết định 51/2026/QĐ-CTUBND ngày 30/06/2026 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng trị về việc phân cấp thẩm quyền quản lý, xử lý và khai thác tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc ủy ban nhân dân tỉnh; ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh thuộc Sở Y tế;

Căn cứ biên bản họp số 16/BB-HĐT&ĐT ngày 13/8/2026 của Hội đồng thuốc và điều trị thống nhất về việc mua Thiết bị Y tế sử dụng năm 2026 - 2027;

Căn cứ nhu cầu thực tế sử dụng tại các khoa khám bệnh và điều trị Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-BVĐK ngày 11/9/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh về việc phê duyệt nguồn vốn và dự toán mua sắm Thiết bị Y tế sử dụng năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh;

Xét đề nghị của Trưởng Khoa Khoa Dược-TTB-VTYT tại Tờ trình số 29/TTr-KD ngày 14/9/2026 về việc trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm Thiết bị Y tế sử dụng năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm: Thiết bị Y tế sử dụng năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh với nội dung theo biểu Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Khoa Dược - TTB - VTYT và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 3;
- Lưu VT,KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC GIO LINH

Trần Đức Linh

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Thiết bị Y tế sử dụng năm 2026-2027của Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 305 */QĐ-BVĐK ngày* 21 */9 /2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh)*

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu							
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh	Mua sắm Thiết bị Y tế sử dụng năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh	Mua sắm Thiết bị Y tế sử dụng năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh	**1.287.889.650**	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác năm 2026-2027 của Bệnh viện đa khoa khu vực Gio Linh	Chào giá trực tuyến rút gọn; qua mạng	60 Ngày	Tháng 9 năm 2026	Hợp đồng trọn gói	20 tháng
	Tổng giá gói thầu			**1.287.889.650**						

(Số tiền bằng chữ: Một tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi đồng chẵn./.).

DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ SỬ DỤNG NĂM 2026-2027 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC GIO LINH

STT	Tên VTYT. HCSP	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng 20 tháng	Đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn giá trên cổng mua sắm công	Thành tiền
Phần 1: Phim X-Quang						
1.1	Phim khô (25cm x 30cm) dùng cho máy in phim Agfa	Tấm	20.000	Phim chụp Xquang kích thước 25x30cm. Phù hợp với các dòng máy in Agfa Drystar Vật liệu màng: Nó bao gồm lớp nền PET có độ dày ≥ 168 µm được phủ muối bạc và lớp bảo vệ.. Công nghệ và nguyên lý in: Công nghệ hình ảnh in kỹ thuật số trực tiếp. mỗi lần một hình ảnh. Mật độ sương mù xám tối thiểu của phim : ≤0.06D Mật độ quang tối đa của phim: ≥ 3.50D Độ phân giải: 508dpi (50um) Thang độ xám đầu ra: 14bit Hộp 100 tấm	26.880	537.600.000
	Cộng: (01 khoản)					**537.600.000**
Phần 2. Vật tư y tế tiêu hao						
2.1	Dây nối máy hút dịch	Cái	30		11.550	346.500
2.2	Tay cầm ống nối máy hút dịch	Cái	30		16.800	504.000
2.3	Máy đo huyết áp cơ	Bộ	20		550.000	11.000.000
2.4	Phim nha khoa cỡ 3x4cm kèm hoá chất rửa phim	Tấm	2.500		13.000	32.500.000
2.5	Khẩu trang y tế 3 lớp	Cái	20.000		798	15.960.000

2.6	Cồn y tế 70 độ	Lít	100		34.000	3.400.000
2.7	Nhiệt kế thuỷ ngân	Cái	100		25.200	2.520.000
2.8	Băng thun 3 móc 10cm x 4.5m	Cuộn	1.000	Kích thước 10cm x 4.5m	11.470	11.470.000
2.9	Bơm tiêm 50ml (dùng cho máy bơm tiêm điện)	Cái	50		5.439	271.950
2.10	Bơm tiêm nhựa 1ml + Kim 26G	Cái	5.000		800	4.000.000
2.11	Bơm tiêm nhựa 20ml + Kim 23G	Cái	5.000		1.600	8.000.000
2.12	Bơm tiêm nhựa 3ml + Kim các cở số (25)	Cái	3.000		750	2.250.000
2.13	Bơm tiêm nhựa 5ml + Kim các cở số	Cái	120.000		500	60.000.000
2.14	Bông gạc đắp vết thương đã tiệt trùng 8 cm x 20 cm	Cái	1.000		2.800	2.800.000
2.15	Bông hút nước	Kg	150		120.000	18.750.000
2.16	Dây nối bơm tiêm điện 140 cm	Cái	200		2.950	590.000
2.17	Dây truyền dịch có kim	Bộ	20.000		2.280	45.600.000
2.18	Filter lọc vi khuẩn. vi rút	Cái	300		15.000	4.500.000
2.19	Gạc hút 1.2 m	Mét	8.000		5.970	47.760.000
2.20	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp đã tiệt trùng cản quang	Cái	2.000		4.700	9.400.000

2.21	Găng khám bệnh các cỡ S.M	Đôi	80.000		1.200	96.000.000
2.22	Giấy điện tim 6 cần 110 mm x 140 x 143 tờ (ECG)	Xấp	200		29.400	5.880.000
2.23	Khóa 3 ngã có dây nối dài 25cm	Sợi	200		3.750	750.000
2.24	Kim cánh bướm các cỡ số	Cái	1.000		1.140	1.140.000
2.25	Kim châm cứu các cỡ số vô trùng	Cái	300.000		275	82.500.000
2.26	Kim đẩy chỉ	Cái	1.000		482	482.000
2.27	Kim gây tê tuỷ sống các cỡ số	Cái	100		29.400	2.940.000
2.28	Kim lấy thuốc các cỡ số	Cái	30.000		210	6.300.000
2.29	Kim luồn tĩnh mạch các cỡ số	Cái	5.000		3.500	17.500.000
2.30	Mặt nạ thở khí dung	Cái	1.000		13.500	13.500.000
2.31	Mũ phẫu thuật vô trùng	Cái	1.000		780	780.000
2.32	Ống nội khí quản có bóng các số	Cái	150		15.000	2.250.000
2.33	Sonde dạ dày các cỡ số	Cái	200		5.500	1.100.000

2.34	Sonde Foley 2 nhánh có bóng các cỡ số	Cái	500		13.500	6.750.000
2.35	Túi đựng nước tiểu 2000 ml	Cái	100		7.000	700.000
2.36	Băng keo chỉ thị nhiệt	Cuộn	5	Kích thước : 12 mm x 55m.	174.000	870.000
2.37	Lam kính	Hộp	50		19.200	960.000
2.38	Hộp an toàn	Cái	500		16.000	8.000.000
	Cộng: (38 khoản)					**529.274.450**
Phần 3. Vật tư xét nghiệm						
3.1	Ống nghiệm EDTA 5ml	Cái	60.000		615	36.900.000
3.2	Ống nghiệm nhựa 10ml	Cái	2.000		575	1.150.000
3.3	Lọ nhựa 60ml. có nắp. có nhãn	Lọ	2.000		930	1.860.000
3.4	Que lấy bệnh phẩm trong ống nghiệm tiệt trùng	Cái	3.000		1.420	4.260.000
	Cộng: (4 khoản)					**44.170.000**
Phần 4. Chỉ khâu phẫu thuật						
4.1	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đơn sợi số 2/0	Liếp/Tép/Sợi	240	Số 2/0. dài 75cm. kim tròn	25.800	6.192.000
4.2	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đơn sợi số 3/0	Liếp/Tép/Sợi	1200	Số 3/0. dài 75cm. kim tròn	28.509	34.210.800
4.3	Chỉ phẫu thuật tự tiêu đơn sợi số 4/0	Liếp/Tép/Sợi	2400	Số 4/0. dài 75cm. kim tròn	28.500	68.400.000

4.4	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 2/0	Liếp/Tép/Sợi	960	Số 2/0. dài 70cm. kim tròn	25.800	24.768.000
4.5	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 3/0	Liếp/Tép/Sợi	480	Số 3/0. dài 70cm. kim tròn	28.380	13.622.400
4.6	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 4/0	Liếp/Tép/Sợi	480	Số 4/0. dài 70cm. kim tròn	57.400	27.552.000
4.7	Chỉ thép mềm	Cuộn	5	đường kính từ 0.4 mm đến 1.0mm	420.000	2.100.000
	Cộng: (7khoản)					**176.845.200**
	Tổng cộng: 50 khoản					**1.287.889.650**

(Số tiền bằng chữ: Một tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi đồng./.)